**TUẦN 22:** **CHỦ ĐỀ 8: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA**

**Bài 44: CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức,kĩ năng:***

- Biết thực hiện cách chia cho số có hai chữ số.

- Vận dụng và giải các bài tập và bài toán thực tế (liên quan đến chia cho số có hai chữ số).

- Biết cách thực hiện chia cho số có hai chữ số (chia hết và chia có dư).

- Biết thực hiện phép chia cho số có hai chữ số (mức độ làm gọn hơn, trừ nhẩm để tìm rồi viết viết luôn số dư sau mỗi lần chia).

- Thực hiện phép chia cho số có hai chữ số trường hợp có chữ số 0 ở thương.

- Biết cách chia một số cho một tích và chia một tích cho một số.

- Vận dụng làm các bài tập và bài toán thực tế có liên quan.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**Ngày dạy: 15/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính 11 x 11  + Câu 2: Tính 21 x 11  + Câu 3: Tính 22 x 34  + Câu 4: Tính 45 x 51  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  + 11 x 11 = 121  + 21 x 11 = 231  + 22 x 11 = 242  + 45 x 51 = 2295  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** | |
| **HD thực hiện chia cho số có hai chứ số.**  a) - GV gọi HS đọc đề bài toán.  - GV hỏi : Muốn biết mỗi thuyền có bao nhiêu khách du lịch ta làm như thế nào?  - GV vậy để tính được 216 : 12 ta thực hiện như thế nào?  - Viết phép chia 216 : 12, yêu cầu HS dựa vào cách đặt tính chia cho số có một chữ số để đặt tính 216 : 12. | - Xếp đều 216 khách du lịch lên 12 thuyền. Hỏi mỗi thuyền có bao nhiêu khách du lịch?  - HS nêu : Lấy 216 : 12  - Đặt tính.  - 1 HS lên bảng làm, lớp thực hiện vào nháp. |
| - GV nhận xét, và nêu lại cách tính chia cho số có hai chữ số.  - GV hỏi :  + Chúng ta thực hiện chia theo thứ tự nào ?  + Số chia trong phép chia này là bao nhiêu?  + Phép chia 216 : 12 là phép chia có dư hay phép chia hết?  b) Thực hiện tương tự như ý a.  - Viết phép chia 218 : 18, yêu cầu HS đặt tính rồi tính. | - HS quan sát lắng nghe.  - HS nêu câu trả lời :  + Thực hiện chia theo thứ tự từ trái sáng phải.  + Số chia trong phép chia này là 12.  + Là phép chia hết vì có số dư bằng 0.  - 1HS lên bảng thực hiện, dưới lớp thực hiện vào nháp. |
| - GV nhận xét và hỏi :  + Vậy 218 : 18 bằng bao nhiêu ?  - GV lưu ý các viết: 218 : 18 = 12 (dư 2), 12 là thương và số dư là 2.  + Phép chia 218 : 18 là phép chia hết hay là phép chia có dư?  + Trong các phép chia có dư chúng ta phải chú ý điều gì ?  - GV nhắc lại cách chia cho số có hai chữ số:  + Đặt tính  + Ước lượng để tìm thương đầu tiên  + Chia theo thứ tự từ trái sang phải. | - HS quan sát và nêu câu trả lời.  + 218 : 18 = 12 (dư 2)  - Lắng nghe.  + Là phép chia có dư bằng 2.  + Số dư luôn nhỏ hơn số chia.  + Lắng nghe, nhắc lại cách chia. |
| **3. Luyện tập.** | |
| **Bài 1 :**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu cá nhân HS làm bài sau đó đổi vở kiểm tra, gọi HS làm bài vào bảng phụ. | - HS nêu: Đặt tính rồi tính.  - 4 HS làm bài vào bảng phụ, lớp làm vào vở. |
| - Gọi HS đọc và nhận xét bài bạn.  - Nhận xét, chữa bài bảng lớp, yêu cầu HS nêu cách tính.  - Nhận xét, chốt cách thực hiện chia cho số có hai chữ số.  **Bài 2:** Gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GV yêu cầu HS tính nhẩm các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… cho các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,…  a). GV thực hiện mẫu:  Mẫu: 450 : 90 = ?  Cùng xoá 1 chữ số 0 ở tận cùng số chia và số bị chia rồi thực hiện phép chia 45 : 9. Vậy 450 : 90 = 45 : 9 = 5.  - Gọi 2 HS lên bảng thực hiện hai phép tính.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV nhận xét tuyên dương.  b). GV hướng dẫn thực hiện.  Mẫu : 45000 : 900 = ?  Cùng xoá hai chữ số 0 ở cuối của số chia và số bị chia rồi thực hiện phép chia 450 : 9.  Vậy 45000 : 900 = 450 : 9 = 50  - GV yêu cầu HS thực hiện hai phép tính còn lại.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 3.** GV gọi HS đọc đề bài toán.  - GV hỏi :  + Bài toán cho biết gì ?  + Bài toán hỏi gì ?  + Vậy để biết xếp được bao nhiêu dãy ghế ta thực hiện phép tính gì?  + Đây là dạng bài toán gì?  + Gọi HS nêu câu lời giải cho bài toán.  - Cho 1HS thực hiện vào bảng phụ, dưới lớp thực hiện vào vở.  - GV gọi HS nhận xét bài làm.  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc và nhận xét bài bạn.  - HS đọc các phép chia trên bảng và giải thích cách làm.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - HS quan sát lắng nghe.  - 2HS lên bảng thực hiện dưới lớp thực hiện vào vở.  560 : 70 = 56 : 7 = 8  320 : 80 = 32 : 8 = 4  - HS nhận xét bài làm trên bảng.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe.  - 2HS lên bảng thực hiện, dưới lớp thực hiện vào vở.  62700 : 300 = 637 : 3 = 209  6000 : 500 = 60 : 5 = 12  - HS nhận xét bài làm trên bảng.  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc to, dưới lớp đọc thầm theo.  - HS nêu câu trả lời :  + Bài toán cho biết trong một hội trường, người ta xếp 384 cái ghế vào các dãy, mỗi dãy 24 ghế.  + Bài toán hỏi xếp được bao nhiêu dãy ghế như vậy?  + Để biết xếp được bao nhiêu dãy ghễ ta thực hiện phép tính chia, lấy 384 : 24  + Đây là dạng giải bài toán có lời văn.  + HS nêu, số dãy ghế xếp được là.  - HS thực hiện.  Bài giải  Số dãy ghế xếp được là:  384: 24= 16 (dãy )  Đáp số: 16 dãy ghế.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi tìm nhà cho thỏ,...sau bài học để học sinh nhận biết vận dụng làm các bài tập và bài toán thực tế có liên quan.  - Ví dụ: GV viết 4 phép chia bất kì như: 450 : 90, 8100 : 90 ; 490 : 70; 63000 : 90 và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo kết quả phép tính được đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**---------------------------------------------------------**

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 16/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu cách chia cho số có hai chữ số?  + Câu 2: Tính 3500 : 50  + Câu 3: Tính 910 : 26  + Câu 4: Tính 810 : 90  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  + Đặt tính, ước lượng để tìm chữ số thương đầu tiên, chia theo thứ tự từ trái sang phải.  + 3500 : 50 = 70  + 910 : 26 = 35  + 810 : 90 = 9  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| Bài 1. Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  a) GV hướng dẫn HS thực hiện.  - GV ghi phép tính 2294 : 62, gọi 1 HS đứng dạy thực hiện tính.  - GV ghi bảng và hướng dẫn HS cách thực hiện trừ nhẩm để tìm rồi viết luôn số dư sau mỗi lần chia.    - GV gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính:  2625 : 75 ; 27 360 : 36  - GV gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  b) GV ghi phép tính 4896 : 12  - GV gọi HS đặt tính.  - GV nhận xét, hướng dẫn HS thực hiện chia cho số có hai chữ số (thương có chữ số 0). | - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS quan sát.  - 1HS thực hiện tính, dưới lớp quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe tiếp thu.  - 2HS lên bảng thực hiện, dưới lớp làm vào vở.    - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1HS lên bảng đặt tính, dưới lớp tính vào nháp.  - HS quan sát lắng nghe. |
| - GV yêu cầu HS thực hiện đặt tính rồi tính hai phép chia còn lại.  - GV gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Gv gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  a) GV gọi 3HS lên bảng thực hiện tính giá trị của các biểu thức.  - GV yêu cầu HS so sánh giá trị của các biểu thức vừa tìm được.  - Vậy muốn chia một số cho một tích ta thực hiện như thế nào?  - GV nhận xét vào nêu lại cách thực hiện chia một số cho một tích.  b) GV gọi 3HS lên bảng thực hiện tính giá trị của các biểu thức.  - GV yêu cầu HS so sánh giá trị của các biểu thức vừa tìm được.  - GV cho HS nhận xét muốn chia một tích cho một số ta có thể thực hiện như thế nào?  - GV nhận xét vào nêu lại cách thực hiện chia một tích cho một số.  Bài 3: GV gọi HS đọc bài toán.  - GV hỏi :  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm như thế nào?  + Vậy muốn tính chiều dài của sân bóng ta làm như thế nào?  + Vì sao em lại lấy 7140 : 68 để tìm ra chiều dài của sân bóng?  - GV yêu cầu HS làm bài.  - GV gọi HS nhận xét, chữa bài.  - GV nhận xét chốt đáp án. | - 2 HS thực hiện vào bảng phụ, dưới thực hiện vào vở.    - HS nhận xét bài làm trên bảng  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài toán.  - 3HS thực hiện trên bảng, dưới lớp làm vào vở.  60 : ( 2 x 5) = 60 : 10  = 6  60 : 2 : 5 = 50 : 5  = 6  60 : 5 : 2 = 12 : 2  = 6  - Các biểu thức có giá trị bằng nhau.  - Muốn chia một số cho một tích, ta có thể lấy số đó chia cho một thừa số (nếu chia hết), được kết quả là bao nhiêu thì chia kết quả đó cho thừa số còn lại.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 3HS thực hiện trên bảng, dưới lớp thực hiện vào vở.  (24 x 48) : 12 = 1152 : 12  = 96  (24 : 12) x 48 = 2 x 48  = 96  24 x (48 : 12) = 24 x 4  = 96  - Các biểu thức có giá trị bằng nhau.  - Muốn chia một tích cho một số, ta có thể chia một thừa số cho số đó (nếu chia hết), được kết quả là bao nhiêu thì nhân kết quả đó với thừa số còn lại.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1HS đọc bài toán, dưới lớp đọc thầm theo.  - HS nêu câu trả lời.  + Bài toán cho biết một sân bóng đá hình chữ nhật có diện tích 7140m2, chiều rộng 68m.  + Bài toán hỏi chu vi của sân bóng đó.  + Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng,, sau đó nhân với 2.  + Ta lấy 7140 : 68  + Vì sân bóng là hình chữ nhật, mà diện tích hình chữ nhật bằng chiều dài nhân chiều rộng, bài toán cho biết diện tích và chiều rộng sân bóng nên ta lấy 7140 : 68.  - 1HS thực hiện trên bảng dưới lớp làm vào vở.  Bài giải  Chiều dài sân bóng đá là:  7140 : 68 = 105 (m)  Chu vi của sân bóng đá là :  (68 + 105 ) x 2 = 346 (m)  Đáp số : 346 m.  - HS nhận xét, chữa bài.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi ong tìm hoa, sau bài học để học sinh nhận biết thực hiện cách chia cho số có hai chữ số.  - Ví dụ: GV viết 4 phép tính: 462 : 22, 768 : 32, 6000 : 60, 5600 : 80 vào chú ong và 4 đáp án vào bông hoa. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đặt phép tính trên tay gắn lên bảng sau mỗi bông hoa có đáp án phù hợp. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

**TIẾT 3: LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 17/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - Câu hỏi:  + Câu 1: Nêu cách chia một số cho một tích?  + Câu 2: Nêu cách chia một tích cho một số?  + Câu 3: Tính 4623 : 23  + Câu 4: Tính 80 : ( 2 x 5)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  + Muốn chia một số cho một tích, ta có thể lấy số đó chia cho một thừa số (nếu chia hết), được kết quả là bao nhiêu thì chia kết quả đó cho thừa số còn lại.  + Muốn chia một tích cho một số, ta có thể chia một thừa số cho số đó (nếu chia hết), được kết quả là bao nhiêu thì nhân kết quả đó với thừa số còn lại.  + 4623 : 23 = 201  + 80 : ( 2 x 5 ) = 80 : 10  = 8  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| Bài 1. Số? (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV yêu cầu HS tìm được tích hoặc thừa số thích hợp vào ô có dấu "?"  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 86 | 126 | 37 | ? | | Thừa số | 45 | 18 | ? | 56 | | Tích | 3870 | ? | 1990 | 7000 |   - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  Bài 2. Số? (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV yêu cầu HS tìm được thương và số dư của phép chia.  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành BT   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | Số chia | Thương | Số dư | Viết là | | 3875 | 45 | 86 | 5 | 3875 : 45 = 86 (dư 5) | | 2920 | 62 | ? | ? | 2920 : 62 = ?( dư ?) |   - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  Bài 3.  - GV gọi HS đọc bài toán.  - GV hướng dẫn đây là một dạng bài toán trắc nghiệm chọn đáp án đúng.  - Muốn biết đâu là đáp án đúng chúng ta cần làm gì?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Muốn biết số người tham gia đồng diễn ta thực hiện như thế nào?  - Vậy để tìm được số hàng mỗi hàng 20 người ta thực hiện như thế nào?  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  - GV gọi HS nêu đáp án.  - GV nhận xét.  Bài 4.  - GV gọi HS đọc bài toán.  - Đây là dạng bài toán gì?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Vậy mỗi chiếc xe đạp hai bánh cần lắp bao nhiêu nan hoa?  - Có 2115 nan hoa để lắp được nhiều nhất bao nhiêu chiếc xe đạp hai bánh và còn thừa bao nhiêu nan hoa ta hiện như thế nào?  - GV gọi HS nêu câu lời giải cho bài toán.  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Lắng nghe.  - HS làm việc theo yêu cầu.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 86 | 126 | 37 | 125 | | Thừa số | 45 | 18 | 54 | 56 | | Tích | 3870 | 2268 | 1990 | 7000 |   - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Lắng nghe.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - 2920 : 62 = 47 (dư 6)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS đọc bài toán.  - Lắng nghe.  - Chúng ta cần thực hiện giải bài toán.  - Bài toán cho biết một đội đồng diễn xếp thành 28 hàng, mỗi hàng có 15 người.  - Bài toán hỏi nếu đội đồng diễn đó xếp mỗi hàng 20 người thì xếp được bao nhiêu hàng như vậy?  - Ta lấy 28 x 15.  - Ta lấy số người tham gia đồng diễn chia cho 20.  - HS thực hiện.  - Chọn C. 21 hàng.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS đọc bài toán.  - Giải toán có lời văn.  - Bài toán cho biết mỗi bánh xe đạp cần có 36 nan hoa.  - Hỏi có 2115 nan hoa thì lắp được nhiều nhất cho bao nhiêu chiếc xe đạp hai bánh và còn thừa bao nhiêu nan hoa?  - Ta lấy 36 x 2 = 71 nan hoa.  - Ta lấy 2115 chia cho 36.  - HS nêu số nan hoa cần lắp cho một chiếc xe đạp hai bánh là.  - 1HS lên bảng thực hiện, dưới lớp làm vào vở.  Bài giải  Số nan hoa cần lắp cho một chiếc xe đạp hai bánh là:  36 x 2 = 71 (nan hoa)  Ta có : 2115 : 72 = 29 (dư 27)  Vậy lắp được 29 xe đạp và còn thừa 27 nan hoa  Đáp số: 29 xe đạp và còn thừa 27 nan hoa.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi bông hoa điểm 10.  - Ví dụ: GV chuẩn bị một cành cây có gắn hoa. Trên những bông hoa sẽ ghi nội dung các hỏi như:  + Câu 1: Nêu cách thực hiện chia một số cho hai chữ số?  + Câu 2: Nêu cách chia một tích cho một số?  + Câu 3: Nêu cách chia một số cho một tích?  + Câu 4: Tính 72000 : 80  …. HS lên bốc thăm câu hỏi giống như " hái hoa dân chủ" Khi bốc được câu hỏi nào HS thực hiện trả lời câu hỏi đó. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ...................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................... | |

------------------------------------------------

**BÀI 45: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ƯỚC LƯỢNG TRONG TÍNH**

**TOÁN**

**Ngày dạy: 19/04/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Biết ước lượng kết quả các phép tính (trường hợp đơn giản) đến khoảng chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.

- Biết ước lượng "dư đoạn" kết quả đã làm là đúng hay sai khi thực hiện phép tính.

- Bước đầu vận dụng "ước lượng" để thực hiện kĩ thuật tính.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - GV cho HS quan sát tranh (trong vòng 15 giây) và dựa đoán.  + Tranh 1 : Đoán xem trong hình có bao nhiêu quả bóng?  + Tranh 2 : Đoán xem trong hình có bao nhiêu ngôi sao?  + Tranh 3 : Đoán xem trong hình có bao nhiêu người?  + Tranh 4 : Đoán xem trong hình có bao nhiêu con chim ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS quan sát tranh và dự đoán.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** | |
| Bài 1.  - GV gọi HS đọc bài toán thực tế.  - GV yêu cầu HS nêu các dữ kiện trong bài toán.  - Bạn Việt hỏi gì?  - Rô-bốt đã làm gì để trả lời câu hỏi của bạn Việt?  - GV nêu yêu cầu: "Bài toán không cần chính xác kết quả, chỉ cần ước lượng kết quả chính xác đến hàng nghìn".  - GV nêu hướng dẫn (Rô-bốt ước lượng như sau: Làm tròn 5978 thành 6000, làm tròn 2967 thành 3000. Vậy cả ngày hôm qua có khoảng 9000 lượt khách tham quan công viên.  - GV hướng dẫn cách ước lượng, cách làm bao gồm trong hai bước :  + Bước 1: Là làm tròn các số có mặt trong phép tính đến chữ số ở hàng cao nhất.  + Bước 2: Là thực hiện phép tính với các số đã làm tròn.  - GV cho HS vận dụng ước lượng kết quả các phép tính cộng, trừ theo yêu cầu "khoảng mấy nghìn?"  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cho HS vận dụng ước lượng kết quả các phép tính cộng, trừ theo yêu cầu "khoảng mấy chục nghìn?"  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV gọi HS nhắc lại cách ước lượng.  Bài 2 :  Tính huống 1:  - GV cho HS đóng vai các nhân vật, đọc lời thoại để tìm hiểu tình huống  - GV hỏi 39 x 19 = ? m2. GV yêu cầu HS ước lượng kết quả bằng cách làm tròn các thừa số  - GV viết phép tính ước lượng lên bảng;  40 x 20 = 800 m2  - GV hỏi : "Bạn Nam nói rằng diện tích ở mảnh vườn A lớn hơn 800m2 là đúng hay sai?".  - GV nhận xét, nêu đáp án.Cả hai thừa số trong phép tính đều được làm tròn lên. Số làm tròn lớn hơn số ban đầu nên tích của các số làm tròn phải lớn hơn diện tích mảnh vườn. Vậy diện tích mảnh vườn phải bé hơn 800m2.  Tình huống 2:  - GV hướng dẫn tương tự.  - GV nêu ở tình huống này các em không cần làm tròn.  - GV yêu cầu HS dựa vào ước lượng của Rô-bốt cho biết các khẳng định sau đúng hay sai.  Bài 3 :  - GV tổ chức trò chơi " Đường đua".  - GV chuẩn bị: Kể đường đua như hình vẽ. Các tấm bìa ghi sẵn các phép tính: 3970 + 4960 = 9850; 15 x 4 = 60; 7900 - 2000 = 5900; 821 : 39 = 19; 5120 + 3010 = 7130; 51 x 103 = 4973; 8920 - 1170 = 8750; 20 x 5 = 100; 4960 + 2970 = 8350; 8000 : 2 = 4000. 2 cờ hiệu màu xanh, 2 cờ hiệu màu đỏ.  - GV phổ biến cách chơi.  - GV cho HS tham gia chơi  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc bài toán.  - HS nêu hướng dẫn viên cho biết trong ngày hôm qua, buổi sáng và buổi chiều lần lượt có 5978 và 2967 lượt khách tham quan.  - Bạn Việt hỏi cả ngày hôm qua có khoảng mấy nghìn lượt khách tham quan công viên nhỉ?  - Rô-bốt ước lượng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe và nhắc lại cách thực hiện.  - HS thực hiện ước lượng, lần lượt HS nêu kết quả vừa ước lượng.  + 7960 làm tròn thành 8000, 1980 làm tròn thành 2000, 8000 + 2000 = 10000.  + 5985 làm tròn thành 6000, 3897 làm tròn thành 4000, Ước lượng hiệu 5985 - 3897 khoảng 2000.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện ước lượng, lần lượt HS nêu kết quả vừa ước lượng.  + Tổng 19870 + 30480 khoảng 20000 + 30000 = 50000.  + Hiệu 50217 - 21052 khoảng 50000 - 20000 = 30000.  - Lắng nghe.  - HS nêu lại.  - HS đóng vai đọc lời thoại tình huống.  - HS ước lượng.  - HS nêu câu trả lời.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS ước lượng.  - Lắng nghe.  - HS thực hiện ước lượng.  a) Sai, b) Sai.  - HS lắng nghe cách chơi.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách ước lượng.  - Ví dụ: GV viết 4 phép tính bất kì cho HS thực hiện ước lượng như: 4867- 3912; 102 + 298; 99 x 102; 8002 : 21 và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 thược hiện nối phép tính tương ứng kết quả gắn trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |

**BÀI 46: TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Tìm được số trung bình cộng của hai hay nhiều số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG**

**Ngày dạy: 20/02/2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Ước lượng 4980 + 2984  + Câu 2: Ước lượng 7980 + 1980  + Câu 3: Ươc lượng 50285 - 30397  + Câu 4: Ước lượng 60217 - 21055  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  + Tổng 4980 + 2984 khoảng 5000 + 3000 = 8000.  + Tổng 7980 + 1980 khoảng 8000 + 2000 = 10000.  + Hiệu 50285 - 30397 khoảng 50000 - 30000 = 20000.  + Hiệu 60217 - 21055 khoảng 60000 - 20000 = 40000.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** | | |
| a) GV cho HS đóng vai các nhân vật đọc lời thoại.  - GV giải thích tại sao Rô-bốt lại nói trung bình mỗi ngày Mai tập thể dục 30 phút và hỏi:  + Ngày hôm qua Mai chạy được bao nhiêu phút?  + Hôm nay Mai chạy được bao nhiêu phút?  + Tổng hai ngày Mai chạy được bao nhiêu phút.  + Nêu hai ngày đó được cô chia đều cho 2 thì Mai chạy được mỗi ngày bao nhiêu phút?  - GV đưa ra nhận xét (10 + 50) : 2 = 30 và 30 là hai số trung bình cộng của 10 và 50.  b).GV ghi bảng ví dụ: Tìm số trung bình cộng của ba số 13,14 và 18.  - GV YC HS tính tổng của ba số 13, 14 và 18.  - Gv hỏi : 45 là tổng của mấy số hạng cộng lại?  - GV yêu cầu HS tính 45 chia 3?  - GV ta gọi 15 là số trung bình cộng của ba số 13,14 và 18.  - GV chốt: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho các số hạng. | | - HS đóng vai các nhân vật đọc lời thoại.  - Lắng nghe quan sát và nêu câu trả lời:  + Hôm qua Mai chạy được 10 phút.  + Hôm nay Mai chạy được 50 Phút.  + Tổng hai ngay Mai chạy được 10 + 50 = 60 phút.  + Mỗi ngày Mai chạy được 30 phút.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS quan sát.  - 13 + 14 + 18 = 45  - 45 là tổng của ba số cộng lại (số 13,14,18).  - HS tính 45 : 3 = 15.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe, nhắc lại. |
| **3. Luyện tập:** | | |
| Bài 1: Tìm số trung bình cộng (Cá nhân).  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS thực hiện.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV gọi HS nhắc lại cách tìm số trung bình cộng.  Bài 2: (Cá nhân)  a). GV gọi HS đọc bài toán trên bảng.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Làm thế nào để tính?  - GV gọi HS nêu câu lời giải cho bài toán.  - GV ghi bảng hướng dẫn HS giải bài toán.  Bài giải  Trung bình mỗi đội trồng được số cây là:  ( 15 + 20 + 22 ) : 3 = 19 (cây)  Đáp số: 19 cây  b). GV gọi HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Làm thế nào để tính?  - GV yêu cầu HS giải bài toán.  Bài 3: GV gọi HS đọc bài toán.  - GV yêu cầu HS quan sát bảng.  - Đề bài cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu cần tính gì?  - Làm thế nào để tính?  - GV yêu cầu HS giải bài toán.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV gọi HS nhắc lại cách tìm số trung bình cộng. | | - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện và lần lượt nêu kết quả.  a). 20 và 30  (20 + 30) : 2 = 25  b). (10 + 20 + 30 ) : 3 = 20  c). (5 + 12 + 19) : 3 = 12  - Lắng nghe.  - HS nêu cách tìm số trung bình cộng.  - HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết số cây trồng được của ba đội lần lượt là 15,20 và 22.  - Hỏi trung bình mỗi đội trồng được bao nhiêu cây.  - Ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho 3.  (15 + 20 + 22) : 3  - HS nêu trung bình mỗi đội trồng được số cây là.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết số học sinh của lớp 4 lần lượt là 35,37,43 và 45.  - Bài toán hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh.  - Ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho 4.  - 1HS thực hiện trên bảng, dưới lớp làm vào vở.  Bài giải.  Trung bình mỗi lớp có số học sinh là:  (35 + 37 + 43 + 45 ) : 4 = 40 (học sinh)  Đáp số: 40 học sinh.  - HS đọc bài toán.  - HS quan sát bảng.  - Đề bài cho biết lộ trình một số chặng đua xuyên Việt.  - Tính trung bình mỗi chặng dài bao nhiêu ki- lô - mét.  - Ta lấy độ dài của mỗi chặng cộng lại với nhau, rồi chia tổng đó cho 4.  - 1HS lên bảng thực hiện, dưới lớp làm vào vở:  Bài giải  Trung bình mỗi chặng đường dài số ki-lô-mét là:  (60 + 160 + 42 + 154) : 4 = 104 (km)  Đáp số: 104 km.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS nêu. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,... sau bài học để học sinh biết tìm trung bình cộng của hai hay nhiều số.  - Ví dụ: GV viết 4 phép tính như: 36 và 26, 45 và 63; 14, 19 và 21; 35,37,43 và 45 yêu cầu tìm số trung bình cộng của mỗi số trên. Và ghi 4 đáp án. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em gắn phép tính với đáp án trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. | |

------------------------------------------------

**TUẦN 23. TIẾT 2. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG**

**Ngày dạy: 21/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Câu 1: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số ta làm như thế nào?  Câu 2: Tìm số trung bình cộng của các số 20 và 40.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho các số hạng.  Số trung bình cộng của 20 và 40 là:  ( 20 + 40) : 2 = 30  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| Bài 1. Số? (Cá nhân) Tìm số ghi ở mỗi nhụy hoa, biết số ghi ở nhụy hoa bằng trung bình cộng của các số ghi ở cánh hoa  - Yêu cầu học sinh làm vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Giải bài toán (Nhóm 2)  - GV gọi HS nêu bài toán?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Muốn tính trung bình 1 bao nặng bao nhiêu kg ta làm như thế nào?  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hướng dẫn học sinh làm cách ngắn gọn.  - Ta có thể gộp 3 phép tính làm của bài trên thành 1 phép tính.  *(Lưu ý:* Với phép tính này ta phải đặt số kg thóc của 8 bao thóc tẻ và 4 bao thóc nếp trước sau đó chia cho tổng số bao thóc tẻ và thóc nếp)  Bài 3: Giải bài toán (Nhóm 4)  - GV gọi HS nêu bài toán?  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  + Làm thế nào để tính số bánh trung bình mỗi ngày của Rô-bốt làm được?  + Làm thế nào tính được số bánh Rô- bốt làm trong ngày thứ 2?  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày, các nhóm khác NX  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Quan sát và trả lời câu hỏi (Cá nhân)  - GV mời 2 HS đón vai nhân vật nếu bài toán  + Đề bài cho biết gì ?  + Chúng ta cần tính gì?  + Muốn tìm được số Rô-bốt viết ta làm như thế nào?  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương. | HS nêu cách làm:  Nhụy hoa thứ nhất có số là:  (28 + 24 +26) : 3 = 26  Nhụy hoa thứ hai có số là:  ( 15 + 17 +19 + 21 +13) : 5 = 17  - Hs trình bày  - HS nghe rút kinh nghiệm  - HS lần lượt làm việc trên vở  - Hs nêu bài toán  + 8 bao thóc tẻ nặng 400 kg  + 4 bao thóa nếp nặng 224 kg  - Trung bình 1 bao …? kg  - Tính số kg của 8 bao thóc tẻ và 4 bao thóc nếp.  - Tính tổng số bao thóc của thóc nếp và thóc tẻ.  - Trung bình mỗi bao ta lấy tổng số kg thóc chia cho tổng số bao.  Bài giải  8 bao thóc tẻ và 4 bao thóc nếp nặng số ki-lô-gam là:  400 + 224 = 642 ( kg)  Nhà bác Vân có số bao thóc là:  8 + 4 = 12 ( bao)  Trung bình mỗi bao thóc nặng số ki-lô-gam là:  624 : 12 = 52 ( kg)  Đáp số: 52 kg  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Hs quan sát làm bài và làm vào vở  Bài giải  Trung bình mỗi bao thóc nặng số ki-lô-gam là:  ( 400 + 224): (8 + 4) = 52 (kg)  Đáp số: 52 kg  - 1 HS đọc bài toán  - HS nêu bài toán  - Rô-bốt làm ngày đầu được 20 cá bánh giày. Ngày hai làm nhiều hơn 4 cái.  - Trung bình một ngày …. ? cái bánh?  + Tính số bánh Rô-bốt làm trong ngày thứ hai.  + Lấy số bánh làm trong ngày thứ nhất thêm 4 để ra số bánh ngày thứ 2.  Bài giải  Ngày thứ hai, Rô- bốt làm được số cái bánh giày là:  20 + 4 = 24 (cái)  Trung bình mỗi ngày Rô- bốt làm được số cái bánh là:  ( 20 + 24): 2 = 22 ( cái)  Đáp số: 22 cái bánh giầy  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm  - 2 HS nêu bài toán  + Mai viết số 18  + Số trung bình cộng của hai số do Mai viết và số do Rô- bốt viết bằng 15  + Tìm số Rô- bốt viết  + Tính tổng hai số sau đó tìm số còn lại.  Bài giải  Tổng hai số là:  152 = 30  Số Rô-bốt đã viết là:  30 -18 = 12  Đáp số: 12  - HS trình bày, HS khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết tính số trung bình cộng  - Ví dụ: GV viết 3 dãy số bất kì như:  Tìm số trung bình cộng của 10, 20 và 30  Tìm số trung bình cộng của 50, 60 và 40  Tìm số trung bình cộng của 5, 20 và 35  Mời 3 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 3 phiếu ngẫu nhiên cho 3 em, sau đó mời 3 em nêu kết quả ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 3 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |